

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 10/6/2022

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cù Thị S - Sinh năm 1984 “có mặt”

ĐKKH: đường N, phố P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc H - Sinh năm 1982 “vắng mặt”

ĐKKH: đường N, phố P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Cù Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc H kết hôn với nhau vào năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người khác, hơn nữa do anh H không tu chí làm ăn, cờ bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh H hay đánh đập chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Lê Ngọc H2 - SN 06/5/2003(đã chết) và cháu Lê Ngọc Đ - SN 18/3/2013. Ly hôn, chị xin được nuôi Đ và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị S trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì mà tự chị S bỏ về bên ngoại ở từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay chị S có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn trong thời gian này mà sau khi anh đi chấp hành án về thì mới giải quyết.

Về con: Anh đồng ý có 02 con chung như chị S trình bày. Do anh chưa đồng ý ly hôn nên cũng không có quan điểm giải quyết về phần con

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H. Tuy nhiên do anh H đang bị tạm giam không thể đến Tòa để tham gia nên đã có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên giải quyết vắng mặt là đúng quy định

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản

1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh H để tham gia phiên tòa nhưng anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Cù Thị S và anh Lê Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù, anh H khai vợ chồng không có mâu thuẫn và nêu lý do không đồng ý ly hôn nhưng kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh H hay đánh đập chị S. Mâu thuẫn của anh chị đã được địa phương hòa giải nhưng không có kết quả và từ tháng 12/2021 chị S đã không sinh sống tại địa phương, còn anh H vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam. Do đó, việc anh H nêu lý do không đồng ý ly hôn trong thời gian này mà chờ sau khi anh đi chấp hành án về thì mới giải quyết ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn cương quyết xin được ly hôn anh H. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Cù Thị S được ly hôn anh Lê Ngọc H là phù hợp.

Về con: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Ngọc H2 - SN 06/5/2003 và cháu Lê Ngọc Đ - SN 18/3/2013. Hiện cháu H2 đã chết, còn cháu Đ thì từ khi anh chị sống ly thân cháu ở với chị S. Ly hôn, chị S xin được nuôi cháu Đ còn anh H không có ý kiến về con vì anh chưa đồng ý ly hôn. Xét thấy, do anh H vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, chị S có công việc và thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Đ xin được ở với chị S. Do đó, giao cháu Đ cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị là H toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Chị S và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Cù Thị S được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Về con: Công nhận cháu Lê Ngọc H2 - SN 06/5/2003 (đã chết) và cháu Lê Ngọc Đ - SN 18/3/2013 là con chung của chị S và anh H. Giao cháu Đ cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Cù Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001806 ngày 14/4/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (Chị S đã nộp đủ án phí).

Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- UBND xã T,
- Huyện N;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy